

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tuấn và ông Hoàng Văn Vận.

-Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 03 năm 2024; về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Mỹ N, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn Bản L, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn B, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, các lời khai sau đó và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 25/01/2019. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2021 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp tất cả mọi vấn đề dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 thì chị về nhà bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn T tại thôn Bản L, xã T, huyện L sinh sống cho đến nay. Anh B không liên lạc, không quan tâm cũng không nói chuyện gì với chị trong quá trình ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên là Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017. Hiện nay đang sống cùng anh B, khi ly hôn chị yêu cầu anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh B chưa yêu cầu và chị chưa có công việc ổn định nên đề nghị chị chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị đề nghị không hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị N và anh B có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương lẫn nhau và sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh B chưa yêu cầu và chị N chưa có công việc ổn định nên đề nghị chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N do chị N là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phan Văn B, nhưng anh Phan Văn B không cung cấp bản khai cho Tòa án và cũng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Phan Văn B được.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Phan Tùng D ngày 23/4/2024 cháu D trình bày nguyện vọng của mình là nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng bố là anh Phan Văn B.

Tại biên bản làm việc ngày 23/4/2024 với bà Hoàng Thị N là mẹ đẻ của anh Phan Văn B cho biết: Bà đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phan Văn B, anh Phan Văn B đã biết việc chị Hoàng Mỹ N làm đơn khởi kiện ly

hôn với anh Phan Văn B nhưng không có ý kiến gì. Quá trình chung sống thì bà thấy anh B thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà sinh sống, còn chị N từ đầu năm 2023 cho đến nay không về nhà sinh sống lần nào, do đó bà không nắm được mâu thuẫn giữa chị N và anh B. Chị N và anh B có 01 con chung, cháu tên là Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017, hiện nay đang sống cùng anh B, bà cũng hỗ trợ anh B trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D đảm bảo.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2024 với Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cho biết: Từ năm 2020, 2021 chị N và anh B đi làm công ty, anh B thỉnh thoảng vẫn về địa phương sinh sống, còn chị N từ năm 2021 đến nay không thấy chị N về nhà anh B sinh sống lần nào và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết về vấn đề gì. Chị N và anh B có 01 con chung, cháu tên là Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017, hiện nay đang sống cùng anh B và bố mẹ đẻ của anh B, thấy cháu D vẫn được chăm sóc và nuôi dưỡng đảm bảo tốt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kể từ khi vụ án được thụ lý đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71, 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/01/2019. Hiện nay chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Hoàng Mỹ N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn B. Anh Phan Văn B không có ý kiến gì, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Mỹ N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hoàng Mỹ N được ly hôn với anh Phan Văn B.

Về con chung: Tuy anh Phan Văn B không hợp tác nhưng qua làm việc với bà Hoàng Thị N là mẹ đẻ của anh Phan Văn B thì con chung của chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B là cháu Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017, hiện nay đang sống cùng anh B, bà cũng hỗ trợ anh B trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng

cháu D đảm bảo. Chị Hoàng Mỹ N cũng đề nghị anh Phan Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác nguyện vọng của cháu Phan Tùng D là nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng bố. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu, tránh cuộc sống bị xáo trộn, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Phan Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Mỹ N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Phan Văn B chưa yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Hoàng Mỹ N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Hoàng Mỹ N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phan Văn B đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt. Theo quy định tại Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Văn B, cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 25/01/2019, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn anh Phan Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Phan Văn B không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Mỹ N và anh Phan Văn B có 01 con chung là cháu tên là Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017, hiện nay đang sống anh Phan Văn B. Nguyên đơn chị Hoàng Mỹ N yêu cầu anh Phan Văn B tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và chị không cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có

công việc ổn định. Xét thấy cháu Phan Tùng D đang sống với anh Phan Văn B được chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện và chị Hoàng Mỹ N không đề nghị được nuôi dưỡng con chung, cháu Phan Tùng D cũng có nguyện vọng ở với bố là anh Phan Văn B. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017 cho anh Phan Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo cuộc sống không bị xáo trộn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Phan Văn B chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị Hoàng Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Mỹ N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Mỹ N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Mỹ N được ly hôn với anh Phan Văn B. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 01, đăng ký ngày 25/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Tùng D, sinh ngày 22/4/2017 cho anh Phan Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Mỹ N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phan Văn B chưa yêu cầu. Chị Hoàng Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Hoàng Mỹ N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hoàng Mỹ N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự, NBVQLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

